

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2721/STNMT ngày 01/10/2014 và Báo cáo thẩm định số 142/BC-STP ngày 06/9/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 471/2008/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 06/8/2010 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 471/2008/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục hoạt động đến hết thời hạn ghi trong giấy phép và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND
Ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước; đăng ký khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành (gọi chung là cơ quan nhà nước), UBND huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện), UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; các hành vi bị nghiêm cấm

Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; các hành vi bị nghiêm cấm thực hiện theo Điều 3, Điều 9, Luật Tài nguyên nước.

Chương II **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Mục 1

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, có nhiệm vụ

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đăng ký khai thác,

sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình quy hoạch, kế hoạch về tài nguyên nước sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ về quản lý tài nguyên nước ở cấp huyện, xã theo quy định.

3. Tiếp nhận, hướng dẫn thủ tục, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung các loại giấy phép về tài nguyên nước theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Phối hợp tham gia xây dựng phương án phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra theo quy định của pháp luật về đê điều, phòng, chống lụt, bão và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước và tổ chức quản lý, khai thác các công trình quan trắc tài nguyên nước do địa phương đầu tư xây dựng.

7. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, tham mưu giải quyết hoặc tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ quản lý tài nguyên nước, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật. Tham gia thẩm định các dự án, công trình có nội dung liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

9. Hướng dẫn đăng ký, theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực tài nguyên nước.

10. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã làm công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Điều 5. Điều tra cơ bản tài nguyên nước, trách nhiệm điều tra đánh giá tài nguyên nước của tỉnh

1. Xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chưa có quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thì căn cứ tình hình thực tế về thông tin, dữ liệu tài nguyên nước xây dựng các nội dung trong kế hoạch điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng; các Sở, ngành liên quan và UBND

cấp huyện tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước báo cáo UBND tỉnh và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

Điều 6. Lập, phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh

1. Đối tượng của quy hoạch là nước mặt, nước dưới đất. Kỳ quy hoạch tài nguyên nước là 10 năm, tầm nhìn 20 năm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng và các Sở, ngành liên quan tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường; công bố trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước.

3. Quy hoạch về thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông đường thủy nội địa và các quy hoạch khác có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước (sau đây gọi chung là quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước) do các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải; Văn hóa - Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện lập, phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh và quy hoạch tài nguyên nước chung của cả nước.

4. Quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường trong hành lang bảo vệ hồ chứa và vùng lòng hồ thủy lợi, thủy điện.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn các đơn vị liên quan, UBND cấp huyện nơi có hồ chứa, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường trong hành lang bảo vệ hồ chứa, vùng lòng hồ; thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ về quy hoạch tài nguyên nước.

Điều 7. Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi, các khoáng sản khác trên sông; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, UBND cấp huyện nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt lở hoặc có nguy cơ bị sạt lở bờ, bãi sông, xác định nguyên nhân gây sạt lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục; tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh lập, công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước.

2. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cụ thể hoạt động của tàu, thuyền trên các tuyến giao thông đường thủy để bảo đảm không gây sạt, lở bờ, bãi sông.

Điều 8. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được thực hiện theo qui định của Chính phủ.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho UBND tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt; cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; mức độ xâm nhập mặn, tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước; cung cấp kịp thời thông tin, số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh;

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp tài liệu liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; điều tra bổ sung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh;

b) Quản lý, lưu trữ thông tin, cập nhật dữ liệu về tài nguyên nước, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên nước từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tài nguyên nước và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, dự án có liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên nước, dữ liệu nước sạch nông thôn;

b) Sở Xây dựng cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch nguồn cấp nước sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; số liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế;

c) Sở Y tế cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế;

d) Sở Công Thương cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong các hồ, đập thủy điện.

3. Kinh phí thu thập, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước: Kinh phí vận hành hệ thống, thu thập, xử lý dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ, kinh phí xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

2. Kinh phí xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt:

a) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định kinh phí xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và kinh phí này được đưa vào dự toán hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, kinh phí xử lý, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm,

suy thoái, cạn kiệt trong trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân gây ra, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch.

Điều 11. Tài chính về tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo qui định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm các trường hợp phải có cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thuộc các trường hợp sau đây:

- a) Khai thác, sử dụng nước để phát điện thương mại;
- b) Khai thác nước mặt, nước dưới đất, nước biển để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp;
- c) Khai thác nước dưới đất với quy mô từ 20m³/ngày đêm trở lên để trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xây dựng các chính sách về thuế tài nguyên nước áp dụng trên địa bàn tỉnh; đối với các loại phí, lệ phí liên quan đến tài nguyên nước, đơn vị thu phí, lệ phí có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thực hiện quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định về mức thu, phương pháp tính toán, phương thức thu, chế độ quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 12. UBND cấp huyện, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

3. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

a) Đối với những đoạn sông bị sạt lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo UBND tỉnh;

b) Đối với vùng ven biển và vùng ảnh hưởng thủy triều, phối hợp với các ngành chức năng có biện pháp quản lý, bảo vệ đê biển, vận hành các cống ngăn mặn, giữ ngọt đảm bảo đúng quy trình; khai thác nước dưới đất phải bảo đảm phòng chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển để phòng chống xâm nhập mặn và nước biển dâng.

4. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân đang hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn.

7. Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

8. Thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

9. Hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước tại địa phương.

10. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo đúng quy định của Luật Tài nguyên nước và quy định này.

Điều 13. UBND cấp xã có trách nhiệm

1. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hoà giải các tranh chấp về tài nguyên nước trên địa bàn khi có đề nghị của các bên tranh chấp.

4. Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất ở các vùng mà mực nước đã bị suy giảm quá mức, xả nước thải vào nguồn nước phải đăng ký theo quy định.

5. Tiếp nhận, kiểm tra, thực hiện các trình tự đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định

này; quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi, ghi chép, thống kê, tổng hợp kết quả đăng ký và định kỳ báo cáo UBND cấp huyện.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

7. Phối hợp với UBND huyện thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám, lấp giếng.

8. Định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo UBND cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Chương III

ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC

Mục 1

GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 14. Nguyên tắc, căn cứ, điều kiện cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất; thời hạn của giấy phép tài nguyên nước

1. Nguyên tắc, căn cứ, điều kiện cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và thời hạn của giấy phép tài nguyên nước thực hiện theo Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (gọi tắt là Nghị định số 201/2013/NĐ-CP).

2. Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; điều kiện để được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được thực hiện theo qui định tại Điều 6, Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất (gọi tắt là Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ điều kiện cụ thể của nguồn nước, mức độ chi tiết của thông tin, số liệu điều tra, đánh giá tài nguyên nước và hồ sơ, đề nghị của tổ chức, cá nhân xin cấp phép tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp phép hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 15. Giấy phép và thẩm quyền cấp phép tài nguyên nước

1. Giấy phép tài nguyên nước, bao gồm: Giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước biển; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

2. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép, chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước:

UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng nhỏ hơn 02m³/giây;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy nhỏ hơn 2.000 kw;

đ) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng nhỏ hơn 50.000 m³/ngày đêm;

e) Khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng nhỏ hơn 100.000 m³/ngày đêm;

g) Xả nước thải với lưu lượng nhỏ hơn 30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;

h) Xả nước thải với lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác.

3. UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo qui định tại Khoản 2, Điều 11, Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

Điều 16. Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh cấp phép tài nguyên nước thuộc thẩm quyền.

2. Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp phép về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; quản lý hồ sơ cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Điều 17. Hồ sơ và trình tự thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Nghị định số 201/2013/NĐ-CP. Các văn bản quy định liên quan đến việc bảo vệ môi trường, đất đai theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai. Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo qui định tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường qui định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

2. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất và mẫu văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo qui định tại Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 18. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và công khai thông tin

Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo qui định tại Điều 2, Điều 3, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

Mục 2

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 19. Đăng ký khai thác nước dưới đất

Khai thác nước dưới đất không phải xin phép, nhưng phải đăng ký tại UBND cấp xã, trong các trường hợp sau:

1. Khai thác nước dưới đất không phải xin phép mà nằm trong khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại Khoản 2 Điều này thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.

2. Khai thác nước dưới đất không phải xin phép tại khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất, bao gồm:

a) Khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức;

b) Khu vực có nguy cơ sụt, lún đất, xâm nhập mặn, gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất;

c) Khu vực có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý bảo đảm chất lượng;

d) Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã có hệ thống cấp nước tập trung và dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 43, Luật Tài nguyên nước.

2. Quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến số lượng, chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về số lượng, chất lượng nguồn nước; sụt lún đất, nghiêng lệch, rạn nứt nhà cửa và các hiện tượng bất thường khác phải báo cáo ngay cho UBND cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh để chủ động xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền chỉ đạo, xử lý.

Chương IV **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm và đột xuất, các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành và trên địa bàn quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và đăng ký hoạt động tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo và dự thảo báo cáo của UBND tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Mọi hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh đều phải được thực hiện theo đúng Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có vướng mắc phát sinh, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ